TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2022/DS-ST Ngày: 29-9-2022 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê;
Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.
Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hoàng V – chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh – chi nhánh Ngân hàng N, huyện P, tỉnh Phú Yên (theo giấy ủy quyền số 342 ngày 01/6/2022; nhận ủy quyền lại từ quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019);

Địa chỉ: Khu phố Đ1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn: Ông Trần Ngọc H*, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ngân hàng Agribank trình bày:

Ông Trần Ngọc H có vay tín dụng của ngân hàng N chi nhánh huyện P, tỉnh Phú Yên với số tiền 150.000.000 đồng, theo hợp đồng vay số

4608LAV202002267 ngày 07/7/2020, áp dụng lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 07/7/2020 đến ngày 07/7/2021), mục đích vay chăn nuôi bò, biện pháp bảo đảm thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 483, tờ bản đồ 22, đo đạc năm 2016, diện tích 107,4m^2, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên;

Quá trình sử dụng vốn vay, đến ngày 07/7/2021, ông Trần Ngọc H có đơn xin gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 07/12/2021 và được Ngân hàng N chi nhánh huyện P, tỉnh Phú Yên xem xét phê duyệt. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ, nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 31/8/2022 bị đơn còn nợ của ngân hàng 166.491.782 đồng (trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 11.054.795 đồng, lãi quá hạn 5.436.987 đồng). Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng, nếu bị đơn không trả được đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn Trần Ngọc H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện P, Công an xã H cung cấp ông Trần Ngọc H có cư trú, sinh sống và làm việc tại địa chỉ thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, công việc đi làm cây (bóc vỏ cây bạch đàn), nhưng ông H không đến Tòa là thể hiện việc trốn tránh trách nhiệm, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần thông báo cho gia đình, địa phương và liên lạc điện thoại trực tiếp cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 29/9/2022 là 156.443.836 đồng và lãi phát sinh, nếu bị đơn không trả được đề nghị phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền là 156.443.836 đồng (trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, lãi trong hạn là 410.959 đồng, lãi quá hạn là 6.032.877 đồng), tính đến ngày xét xử 29/9/2022 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Nếu bị đơn không trả được, đề nghị tuyên phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn Trần Ngọc H có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng (là trường hợp cụ thể của quan hệ hợp đồng dân sự), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/12/2021 đến hạn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng bị đơn không thực hiện hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng có đơn khởi kiện vào ngày 13/5/2022 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Giữa ngân hàng N và bị đơn Trần Ngọc H có tự nguyện giao kết với nhau bằng hợp đồng tín dụng vào ngày 07/7/2020, theo đó Ngân hàng N đã giải ngân cho ông Trần Ngọc H vay vốn với số tiền 150.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò, lãi suất cho vay 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm. Đến ngày 07/7/2021, bị đơn xin gia hạn khoản vay tới ngày 07/12/2021 và được Ngân hàng N chấp nhận. Tuy nhiên, đến ngày 07/12/2021, khi hết thời hạn gia hạn, bị đơn không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã giao kết với ngân hàng N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, từ ngày sau ngày 07/12/2021 ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn theo như khoản 5 Điều 5 Hợp đồng tín dụng có nội dung thỏa thuận "*Đến hạn trả nợ, khách hàng không trả đúng hạn và không được ngân hàng chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì số nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được chuyển sang nợ quá hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn*". Lãi suất quá hạn theo thỏa thuận từ hợp đồng tín dụng là 15%/năm, ngân hàng không tính lãi chậm trả. Trong quá trình nguyên đơn thực hiện việc khởi kiện, bị đơn đã trả nợ được hai lần, cụ thể: vào ngày 14/6/2022, trả lãi số tiền 20.506.849 đồng và ngày 19/9/2022 trả lãi với số tiền là 11.835.617 đồng. Chốt đến ngày xét xử 29/9/2022, bị đơn còn nợ của ngân hàng số tiền 156.443.836 đồng (trong đó gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 410.959 đồng, lãi quá hạn 6.032.877 đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng, trong đó việc tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng và các Điều 357, 468 BLDS 2015, nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/07/HĐTC ngày 01/7/2020 được giao kết giữa các bên đúng về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp lý.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 483, tờ bản đồ 22, đo đạc năm 2016, diện tích 107,4m^2, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 058794 do Uỷ ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/01/2020, được điều chỉnh biến động ngày 21/02/2020. Ông Trần Ngọc H ly hôn theo quyết định số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2018, tại giấy chứng xác nhận số 62/2020 ngày 01/7/2020 UBND xã H xác nhận, hiện nay chưa kết hôn với ai. Do vậy, tài sản bị đơn được nhận tặng cho là tài sản cá nhân hợp pháp của bị đơn.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ của TAND huyện P ngày 12/8/2022, xác định trên diện tích đất thế chấp tồn tại 01 ngôi nhà cấp 4, mái ngói, chái lợp tole trước nhà, cổng trụ xi măng tường rào lưới B40 và lan can xi măng, sân bê tông; phía sau nhà có mái hiên và nhà vệ sinh, đây là tài sản hợp pháp của bị đơn.

Tại mục 1.4 của Hợp đồng thế chấp có nội dung thỏa thuận: các trường hợp thuộc tài sản thế chấp là*"Tài sản gắn liền với đất và toàn bộ phần giá trị tăng lên do đang và sẽ đầu tư vào tài sản thế chấp"*.

Từ những viện dẫn nêu trên có căn cứ xác định, ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ được xây dựng trên toàn bộ diện tích đất được thế chấp cho Ngân hàng là tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay tại Ngân hàng. Do đó, các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất này được xử lý cùng với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Xét nội dung yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Tại mục 4.1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất các bên thỏa thuận có nội dung bên Ngân hàng được xử lý tài sản trong các trường hợp sau:*"Đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"*

Tại Khoản 1 Điều 299 BLDS quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm:*"Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"*.

Như vậy, việc thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm của bị đơn để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, cụ thể: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ 22 có diện tích 107,4m^2 tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 058794 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Hòa cấp ngày 03/01/2020, được đăng ký biến động ngày 21/02/2020.

[6] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ theo Điều 157 BLTTDS. Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên buộc bị đơn phải nộp hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.
Căn cứ vào các Điều 429, 357, 468 BLDS năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Trần Ngọc H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 156.443.836 đồng *(Trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 410.959 đồng và nợ lãi quá hạn 6.032.877 đồng)* cho nguyên đơn là Ngân hàng N, theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022), bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với ông Trần Ngọc H và phải phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ;.

Trường hợp bị đơn ông Trần Ngọc H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 483, tờ bản đồ 22, có diện tích 107,4m^2 tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 058794 do Ủy ban nhân dân huyện P, cấp ngày 03/01/2020, được đăng ký biến động ngày 21/02/2020 theo như hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đã ký kết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn Trần Ngọc H phải chịu 7.822.000 đồng *(Bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân N số tiền 4.382.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004475 ngày 20/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí tố tụng khác: Buộc bị đơn ông Trần Ngọc H phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng chẵn*) chi phí thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng N đã tạm ứng nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền này lại cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền